Số phiên bản: BXXBH

Bộ điều khiển hiển thị giá trị lực Dòng B

Sử dụng và giải thích

Vì sự an toàn của bạn, vui lòng đọc phần sau trước khi sử dụng

▣Hãy an toàn

- Vui lòng không sử dụng nó trên các thiết bị liên quan đến cuộc sống như thiết bị năng lượng nguyên tử và thiết bị y tế.
- Đồng hồ này không có cầu chì nguồn, vui lòng thiết lập bộ ngắt mạch an toàn như cầu chì trong mạch cấp nguồn của thiết bị này.
- Không sử dụng ngoài các thông số kỹ thuật được cung cấp trong sản phẩm này.
- Không sử dụng ở những nơi dễ cháy nổ.
- Tránh lắp đặt trực tiếp phía trên đồng hồ tạo ra nhiều nhiệt (lò sưởi, máy biến áp, điện trở công suất cao).

⚠Cảnh báo

- Khi nhiệt độ môi trường trên 50 ° C, hãy làm mát bằng quạt cưỡng bức hoặc bộ làm mát, nhưng không để không khí làm mát thổi trực tiếp vào đồng hồ này.
- Đối với đồng hồ gắn đĩa, hãy thực hiện các biện pháp cần thiết trên thiết bị đầu cuối để tránh người dùng tiếp cận điện áp caotage các bộ phận như thiết bị đầu cuối nguồn.
- Việc lắp đặt, vận hành và bảo trì sản phẩm này phải được thực hiện bởi nhân viên kỹ thuật và kỹ thuật có trình độ.
- Nếu sự cố hoặc bất thường của sản phẩm này có khả năng gây ra tai nạn nghiêm trọng trong hệ thống, hãy thiết lập một mạch bảo vệ thích hợp bên ngoài để ngăn ngừa tai nạn.
- Công ty không chịu trách nhiệm về bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc gián tiếp nào ngoài bản thân sản phẩm.
- Công ty có quyền thay đổi hướng dẫn sử dụng sản phẩm mà không cần thông báo.

▣ Kích thước

Kích thước: Kích thước cắt:

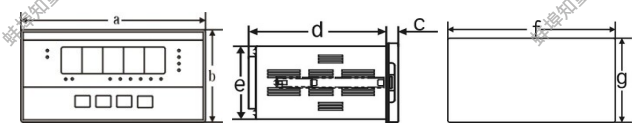

Thông số kỹ thuật:	A (mm)	b (mm)	C (mm)	D (mm)	E (mm)	f (mm)	g (mm)
160×80	160	80	10	115	75	152-1.	76-1
96×48	96	48	12	100	43	92-0,5 ·	45-0,5 ·

▣ Sơ đồ đấu dây

- Máy đo kích thước 160×80

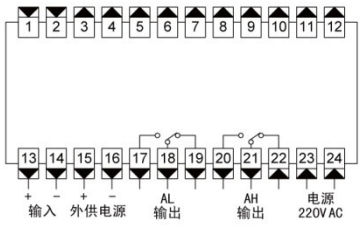

- Đồng hồ đo kích thước 96×48

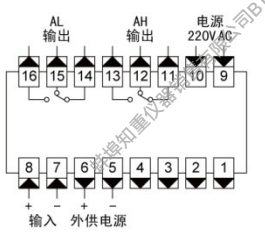

▣ Thiết lập

1. Mô tả bảng điều khiển và nút (lấy đồng hồ đo kích thước 160×80 làm ví dụample).

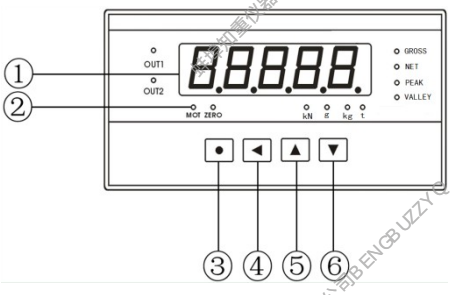

Tên	Giải thích	
(1) Cửa sổ hiển thị	Hiển thị giá trị đo được, có thể là giá trị tổng, ròng, đỉnh và đáy Ở trạng thái cài đặt tham số, ký hiệu tham số và giá trị tham số được hiển thị	
** Expressio n is faulty **Đèn báo	1) Out1 và Out2 là các chỉ số đầu ra so sánh 2) Khi đèn MOT sáng, nó cho biết sự thay đổi trong giá trị đo được 3) Khi đèn ZERO sáng, điều đó có nghĩa là giá trị đo được bằng không 4) Tổng giá trị được hiển thị khi đèn GROSS sáng 5) Giá trị ròng được hiển thị khi đèn NET sáng 6) Đèn Peak được hiển thị khi đèn PEAK sáng 7) Đèn VALLEY hiển thị giá trị thung lũng khi nó được bật 8) kN, g, kg, t là đèn báo của đơn vị đo lường	
Tập thể dục **Xong** **Chìa khóa**	(3) Đặt phím	1) Nhấn mà không nhả nó và nó sẽ chuyển sang trạng thái cài đặt sau 2 giây 2) Nhấn và thả, nhấn trong vòng 2 giây và không nhả ra, và vào trạng thái điều chỉnh sau 2 giây, hiển thị CAL 3) Nhấn và thả, nhấn trong vòng 2 giây mà không nhả ra và xóa giá trị đỉnh và thung lũng sau 2 giây.
	(4) Nút trái	1) Khi trọng lượng không thay đổi, nhấn nút và thiết bị sẽ ghi tổng giá trị tại thời điểm này dưới dạng giá trị khấu trừ giá trị ròng và chuyển đến màn hình giá trị ròng 2) Di chuyển bit bổ trợ trong khi cài đặt 3) Khi cài đặt các thông số, hãy chuyển đến Sửa đổi thông số

	(5) Thêm chìa khóa	1) Khi đo trạng thái, hãy chuyển đổi hiển thị tổng giá trị, giá trị ròng, giá trị đỉnh và giá trị đáy 2) Khi cài đặt, hãy tăng giá trị công cụ sửa đổi
	(6) Giảm phím	1) Nếu tổng giá trị không vượt quá phạm vi không đã đặt và giá trị đo được không thay đổi, hãy nhấn nút này trong 2 giây để trở về số không 2) Khi cài đặt, giảm giá trị của bit sửa đổi

2. Danh sách thông số

Bộ thông số đầu tiên			
Biểu tượng	**Tên**	**Nội dung**	**Phạm vi giá trị**
out1	RA1	So sánh đầu tiên kiểm soát việc so sánh đầu ra	-19999 ~ 45000
out2	RA2	So sánh thứ hai kiểm soát giá trị so sánh của đầu ra	-19999 ~ 45000
Au	Au	So sánh các giá trị mục tiêu của đầu ra điều khiển	-19999 ~ 45000
oA	oA	Mật khẩu	0 ~ 9999
ALo1	ALo1	So sánh đầu tiên kiểm soát cách so sánh đầu ra	6 loại
ALo2	ALo2	So sánh thứ hai kiểm soát việc so sánh các đầu ra	6 loại
HYA1	HYA1	So sánh đầu tiên là độ nhạy của đầu ra điều khiển	0 ~ 19999
HYA2	HYA2	So sánh thứ hai là độ nhạy của đầu ra điều khiển	0 ~ 19999
AHH	AHH	Giá trị ngưỡng phán đoán cao nhất	-19999 ~ 45000
ALL	TẤT CẢ	Giá trị thung lũng đánh giá giá trị ngưỡng	-19999 ~ 45000
Bộ thông số thứ hai			
Fi	Fi	Hệ số	0,5000 ~ 3,0000
F-r	F-r	Phạm vi	100 ~ 45000
tn-b	trong-b	Điểm không	-19999 ~ 45000

Bộ thông số thứ hai			
nu-u	MV	Độ nhạy cảm biến	0,8000 ~ 3,0000
tn-d	Trong D	Hiển thị vị trí dấu thập phân	5 loại
SZro	SZro	Tùy chọn xóa tự động bật nguồn	oFF / oN
Zror	Zror	Phạm vi không	0 ~ 10000
FLtr	FLtr	Lọc kỹ thuật số	1 ~ 20
unit	Đơn vị	Đơn vị	0 ~ 3
Std	Tiêu chuẩn	Đánh giá phạm vi	1 ~ 100
tr-d	TR-D	Phạm vi theo dõi bằng không	0 ~ 4
oA1	oA1	Giá trị cài đặt cảnh báo được chọn bằng điều khiển mật khẩu	oFF / oN

3. Hướng dẫn cài đặt thông số

Các thông số của đồng hồ được chia thành hai nhóm và nhóm chứa mỗi thông số được liệt kê trong "Danh sách thông số".

★ Sau bộ thông số đầu tiên oA và bộ tham số thứ hai, chúng được kiểm soát bằng mật khẩu và không thể nhập nếu không có mật khẩu

★ Các out1 thông số có được kiểm soát bởi mật khẩu out2 hay không Au có thể được chọn bằng các oA1 tham số.

★ oA1 Khi được đặt thành TẮT, nó không được kiểm soát bằng mật khẩu; Nếu mật khẩu không được đặt thành BẬT, bạn có thể truy cập hoặc sửa đổi mật khẩu đó, nhưng bạn không thể lưu mật khẩu.

Sau khi vào trạng thái cài đặt thông số, nếu không có thao tác nút nào trong hơn 1 phút, thiết bị sẽ tự động thoát khỏi trạng thái cài đặt.

3.1 Phương pháp cài đặt giá trị so sánh đầu ra điều khiển so sánh

Các giá trị so sánh nằm trong bộ tham số đầu tiên.

(1) Nhấn và giữ nút cài đặt trong hơn 2 giây mà không nhả ra, vào trạng thái cài đặt và đồng hồ sẽ được hiển thị out1

(2) Một lần nhấn phím có thể chọn các thông số khác của nhóm này theo thứ tự

(3) Nhấn phím để hiển thị giá trị cài đặt ban đầu của thông số hiện tại và bit nhấp nháy là bit hiệu chỉnh

(4) Di chuyển bit sửa đổi bằng phím, tăng giá trị của khóa và sửa đổi tham số thành giá trị yêu cầu

(5) Nhấn phím để lưu các thông số đã sửa đổi và tự động chuyển sang thông số tiếp theo. Nếu đó là tham số cuối cùng trong nhóm này, bạn sẽ được chuyển đến tham số đầu tiên của nhóm này sau khi nhấn nút.

Lặp lại (2) ~ (5) bước để đặt các thông số khác của nhóm này.

★ Nếu không thể lưu thông số đã sửa đổi, đó là do oA1 tham số được đặt thành BẬT, do đó tham số được kiểm soát bởi mật khẩu và mật khẩu phải được đặt trước.

3.2 Phương pháp đặt mật khẩu

Khi thiết bị ở trạng thái đo, có thể đặt mật khẩu.

(1) Nhấn và giữ phím cài đặt cho đến khi nó được hiển thị out1

(2) Nhấn liên tục để chuyển sang oA

(3) Nhấn phím để vào trạng thái sửa đổi và sửa đổi nó thành 01111

(4) Nhấn nút để hoàn tất cài đặt mật khẩu

★ Mật khẩu sẽ tự động bị xóa khi đồng hồ được bật nguồn hoặc khi không có nút nào hoạt động trong hơn 1 phút.

3.3 Phương pháp cài đặt các thông số khác

Đầu tiên, đặt mật khẩu theo phương pháp cài đặt mật khẩu

(2) Có thể chọn tham số sau tham số oA trong bộ thông số đầu tiên bằng cách nhấn nút sau khi cài đặt mật khẩu hoàn tất

(3) Các thông số của các nhóm khác được nhập vào từng nhóm tham số theo thứ tự bằng cách giữ nút cài đặt và thiết bị sẽ hiển thị biểu tượng của tham số đầu tiên của nhóm

(4) Sau khi vào nhóm chứa các thông số cần đặt, hãy nhấn thứ tự phím để chuyển qua các thông số được đặt trong nhóm này

(5) Nhấn phím để hiển thị giá trị cài đặt ban đầu của tham số hiện tại và bit nhấp nháy là bit sửa đổi

(6) Di chuyển bit sửa đổi theo phím, tăng giá trị của khóa và trừ phím để sửa đổi tham số thành giá trị yêu cầu

★ Một tham số đại diện cho giá trị tham số dưới dạng ký hiệu và khi được sửa đổi, bit nhấp nháy phải ở cuối.

(7) Nhấn phím ◎ để lưu thông số đã sửa đổi và chuyển đến tham số tiếp theo

Lặp lại các bước (4) ~ (7) để đặt các thông số khác của nhóm này.

Cài đặt thoát: Khi biểu tượng tham số được hiển thị, hãy nhấn và giữ phím cài đặt ◎ cho đến khi bạn thoát khỏi trạng thái cài đặt tham số.

▣ Mô tả thông số so sánh đầu ra điều khiển

Mỗi giá trị so sánh đầu ra điều khiển có ba thông số, được sử dụng để điều khiển giá trị so sánh đầu ra, lựa chọn phương pháp so sánh và độ nhạy của giá trị so sánh.

- out1, out2 là các giá trị so sánh của đầu ra điều khiển thứ nhất và thứ hai, tương ứng.
- Au Giá trị mục tiêu của đầu ra điều khiển được so sánh.
- ALo1 ~ ALo2 2 tùy chọn để so sánh.
- Tất cả các giá trị so sánh đều dành cho tổng giá trị.
- Mỗi điểm điều khiển đầu ra so sánh có liên quan đến out, ALo, ba HYA tham số
- Nếu sử dụng phương pháp so sánh thứ 3 đến thứ 6, nó cũng liên quan đến Au các thông số.

out1, out2 : Cài đặt giá trị so sánh cho đầu ra của điểm 1 và 2.

- ALo1, ALo2 : Phương pháp so sánh đầu ra so sánh tại điểm 1 và điểm 2.

-HH- Đại diện cho tổng giá trị > Khi so sánh các giá trị, đầu ra được bật

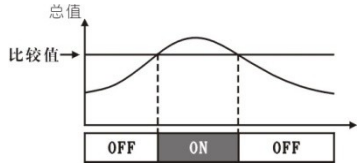

-LL- Đại diện cho tổng giá trị < Khi so sánh các giá trị, đầu ra được bật

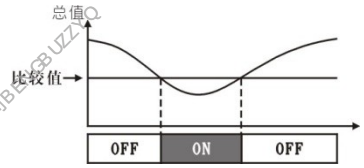

HP-S Đại diện cho độ lệch dương của tổng giá trị so với một giá trị nhất định Au > Khi so sánh giá trị, đầu ra đang bật

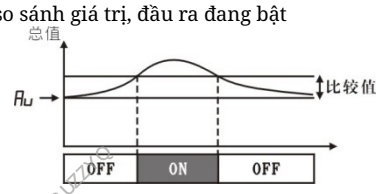

LP-S Cho biết độ lệch âm của tổng giá trị so với một giá trị nhất định Au > Khi so sánh giá trị, đầu ra đang bật

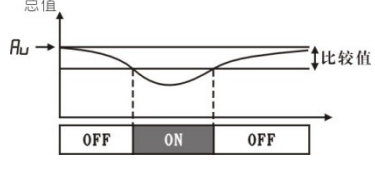

HLPS Cho biết độ lệch của tổng giá trị so với giá trị đã cho Au khi giá trị tuyệt đối > giá trị được so sánh, đầu ra được bật

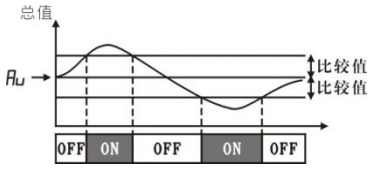

n-HL Cho biết độ lệch của tổng giá trị so với giá trị đã cho Au Giá trị tuyệt đối < khi giá trị được so sánh, đầu ra đang bật

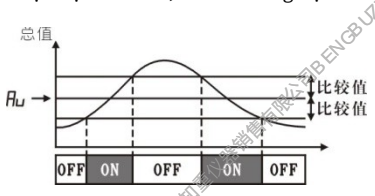

HYH1, HYH2 Điểm 1 và Điểm 2 so sánh cài đặt độ nhạy của đầu ra.

- Độ nhạy là vùng biểu mô của khôi phục đầu ra được đặt theo nhu cầu, có thể ngăn đầu ra bị bật và tắt thường xuyên khi tổng giá trị dao động xung quanh giá trị so sánh.
- AHH Giá trị ngưỡng phán đoán cao nhất

So sánh đỉnh mới được thực hiện khi trọng số thời gian thực vượt quá giá trị ngưỡng đỉnh và đỉnh mới được giữ lại cho đến khi trọng số vượt quá giá trị ngưỡng cao nhất một lần nữa.

- ALL Giá trị thung lũng đánh giá giá trị ngưỡng

So sánh đáy mới được thực hiện khi trọng lượng thời gian thực thấp hơn ngưỡng đáy và máng mới được giữ cho đến khi trọng lượng giảm xuống dưới ngưỡng đáy một lần nữa.

▣ Mô tả thông số

1 FC hệ số

Hệ số là hệ số hiệu chuẩn đầy đủ, đã được hiệu chuẩn tại nhà máy, và khi người dùng không sửa đổi, nó có thể được hiệu chuẩn mà không cần mã.

2 F-r Phạm vi

Phạm vi cảm biến là tổng của n phạm vi cảm biến và người dùng đặt thông số này theo phạm vi thực tế, có nghĩa là phạm vi của cảm biến là F-r . Cài đặt gốc là 10000.

3 Zn-b Điểm không

Phạm vi giá trị không là -19999 ~ 45000 và cài đặt gốc là 0.

4 nu-u Độ nhạy cảm biến

Đơn vị độ nhạy của cảm biến là mv / v. Cài đặt gốc là 2.0000.

5 Zn-d chữ số thập phân

Có 5 tùy chọn vị trí dấu thập phân, cụ thể là 00000., 0000.0、000.00、00.000、0.0000。 Cài đặt gốc là 00000..

6 SZro Lựa chọn xóa tự động

Đồng hồ bật nguồn và tự động xóa các thông số lựa chọn. SZro = oN, thanh toán bù trừ tự động có hiệu quả; SZro = oFF, thanh toán bù trừ tự động không hợp lệ. Cài đặt gốc là oN.

7 Eror Phạm vi không

Ở trạng thái đo, khi giá trị đo nằm trong phạm vi không, nhấn nút trong ◎ 2 giây để hiển thị bằng không. Cài đặt gốc là 1000.

8 FLtr Lọc kỹ thuật số

Thiết bị đo lực bị ảnh hưởng bởi tần số tự nhiên của chính nó và sự dẫn truyền các rung động bên ngoài sẽ tạo ra các rung động ngẫu nhiên, điều này sẽ làm cho giá trị hiển thị của đồng hồ không ổn định. Tùy thuộc vào độ rung của nó, bộ lọc kỹ thuật số thích hợp có thể được chọn để ổn định màn hình. Chọn bộ lọc kỹ thuật số nhỏ hơn khi độ rung cao

蚌埠知重仪器销售有限公司BENGBUZZYQ

và bộ lọc kỹ thuật số lớn hơn khi độ rung lớn. Phạm vi có thể lựa chọn 1 ~ 20. Cài đặt gốc là 1.

9 unit Lựa chọn đơn vị

0 - t, 1 - kg, 2 - g, 3 - kN

10 Std Xác định phạm vi ổn định

Khi sự thay đổi của giá trị đo được trong 1 giây vượt quá Std giá trị tham số đã đặt, thiết bị sẽ xem xét rằng giá trị lực đang thay đổi và đèn Mot sáng.

11 tr-d Phạm vi theo dõi Zero

Nếu trong vòng 1 giây, giá trị lực nằm trong phạm vi theo dõi bằng không, kết quả đọc sẽ được theo dõi về không. Phạm vi theo dõi bằng không là 0 ~ 4 chỉ mục hiển thị và không có theo dõi khi nó là 0.

12 oAI So sánh các lựa chọn điều khiển mật khẩu cho cài đặt đầu ra

Tham số này xác định xem cài đặt đầu ra so sánh có được kiểm soát bằng mật khẩu hay không:

on - Cài đặt đầu ra so sánh được kiểm soát bằng mật khẩu

oFF _ So sánh cài đặt đầu ra không được kiểm soát bằng mật khẩu

▣ Hướng dẫn hiệu chuẩn

★ Lưu ý: Trước khi hiệu chuẩn, hãy tắt tr-d tính năng theo dõi điểm không; Không nhấn nút ZERO để xóa số không; Nếu tính năng tự động zeroing được bật khi bật nguồn, vui lòng SZro đặt thông số thành oFF và sau đó bật lại nguồn trước khi hiệu chuẩn.

1 Hiệu chuẩn tự động

Tại nhà máy, đặt tham số F-r = 10000 nu-u = 2.0000

1.1 Tự động điều chỉnh điểm không:

Nhấn phím và thả nó ra, nút sẽ không được nhả trong vòng 2 giây và nó sẽ chuyển sang trạng thái điều chỉnh sau 2 giây trạng thái, hiển thị CAL. nút, hiệu chuẩn vị trí không được thực hiện. Sau khi hoàn thành hiệu chuẩn bằng không, màn hình 00000 và vị trí cuối cùng sẽ nhấp nháy.

Nếu chỉ điều chỉnh vị trí không và phạm vi không được điều chỉnh, hãy nhấn nút để thoát khỏi điều chỉnh và trở lại phép đo bình thường.

1.2 Điều chỉnh phạm vi tự động

Nhấn phím và thả nó ra, và nút sẽ không được nhả ra trong vòng 2 giây và nó sẽ chuyển sang trạng thái điều chỉnh sau 2 giây và nó sẽ được hiển thị CAL .

nút để thực hiện hiệu chuẩn bằng không. Sau khi hoàn thành hiệu chuẩn bằng không, màn hình 00000 và vị trí cuối cùng sẽ nhấp nháy. Nhập hiệu chuẩn phạm vi.

Đặt trọng lượng tiêu chuẩn lên thiết bị đo lực, đặt giá trị hiển thị thành giá trị tiêu chuẩn của trọng lượng tiêu chuẩn thông qua hợp tác phím và nhấn phím để hoàn tất hiệu chuẩn phạm vi.

Nếu điểm không không được hiệu chỉnh, hãy nhấn CAL nút sau màn hình để vào hiệu chuẩn phạm vi trực tiếp. Nhấn phím để nhập sửa đổi giá trị và phím hợp tác để đặt giá trị hiển thị thành giá trị tiêu chuẩn của trọng lượng tiêu chuẩn và nhấn nút để xác nhận thoát sau khi sửa đổi xong.

★ Nhấn để xác nhận thoát trước khi đảm bảo đèn MOT không sáng.

2. Người dùng không cần hiệu chuẩn trọng lượng

Khi thiết bị xuất xưởng, thiết bị đã được hiệu chuẩn theo độ nhạy và phạm vi, người dùng chỉ cần đặt độ nhạy của cảm biến, hiển thị dấu thập phân và phạm vi cần sử dụng, sau đó đảm bảo rằng phạm vi và độ nhạy được nhập trong điều kiện chính xác và không cần hiệu chỉnh phạm vi.

Ví dụ, độ nhạy của cảm biến là 2.002 mV / V, phạm vi của 4 cảm biến là 1T và tổng phạm vi là 4T

Không thể mã cài đặt thông số hiệu chỉnh:

F-r	Phạm vi	40000
nu-u	Độ nhạy cảm biến	2.0020
dn-d	Hiển thị vị trí dấu thập phân	0.0000

3 Tinh chỉnh hướng dẫn sử dụng

Nói chung, khi vật liệu cân đầy và không đáp ứng các điều kiện hiệu chuẩn, nó có thể đạt được thông qua việc tinh chỉnh điểm không và hệ số. Lưu ý: Vui lòng ghi lại các giá trị của các thông số dn-b và không FC thể khôi phục sau khi hiệu chuẩn.

3.1 Tinh chỉnh điểm không

Ví dụ, có một bể chứa lớn, do sự thay đổi của cấu trúc cơ học hoặc trạng thái ứng suất cảm biến gây ra sự thay đổi lớn về điểm không, trọng lượng hiển thị không chính xác, không thể làm trống bể để hiệu chỉnh lại điểm không, bạn có thể nhập thủ công mã bên trong điểm không để điều chỉnh.

Bể chứa đầy vật liệu, ước tính là 20000kg theo thể tích, nhưng nó thực sự có thể được hiển thị là 21000kg, nếu bạn tiếp tục thêm 1000kg vật liệu, màn hình hiển thị cũng sẽ tăng thêm 1000kg cùng một lúc, điều đó có nghĩa là trọng lượng không chính xác do sự thay đổi của điểm không, bạn có thể sửa đổi thông số điểm không dn-b và điểm không có thể tăng thêm 1000kg.

Công thức điều chỉnh điểm không:

Giá trị hiển thị sau khi điều chỉnh = giá trị hiển thị trước khi điều chỉnh điểm không - (dn-b).

3.2 Hệ số tinh chỉnh

Ví dụ, nếu trọng lượng trên bệ cân là 1000kg và thiết bị hiển thị 997kg, thì hệ số hiệu chuẩn cần được tăng thêm 1000÷997 bằng 1,00301 và hệ số hiệu chuẩn ban đầu FC = 2,1672, hệ số 2,1672 cần được mở rộng thêm 1,00301 lần, tức là FC = 2,1737.

Công thức hiệu chỉnh hệ số:

Giá trị hiển thị được điều chỉnh = giá trị hiển thị trước khi hiệu chỉnh hệ số × FC - (dn-b).

★ Err 1: Phạm vi hiệu chuẩn tự động có thể được hiệu chỉnh lên đến 10000 và nếu vượt quá 10000, nó sẽ được Err 1 hiển thị.

★ Err2: Khi phạm vi được tự động hiệu chỉnh, giá trị số tín hiệu đầu vào vượt quá giới hạn. Có thể F-r giá trị tham số quá lớn.

★ Err3: Khi điểm không được điều chỉnh, tín hiệu đầu vào vượt quá 50% tổng phạm vi

★ o.L : Khi tích của tín hiệu đầu vào của thiết bị và hệ số, phạm vi và độ nhạy nằm ngoài phạm vi, nó sẽ được hiển thị oL

Khi phép đo của đồng hồ lớn hơn 45000 hoặc nhỏ hơn -19999, nó sẽ o hiển thị L

Khi đỉnh hoặc đáy vượt quá giới hạn, oL, xóa giá trị từ đỉnh đến thung lũng và nó sẽ hiển thị bình thường

▣ Thông số kỹ thuật:

1 Thông số kỹ thuật cơ bản

Cung cấp voltage	Nguồn AC	100-240 V xoay chiều 50/60 Hz

Công suất tiêu thụ		Nguồn AC	7 VA trở xuống
Phạm vi biến đổi điện áp cho phép		90 ~ 110% điện áp cung cấp	
Trở kháng cách điện		100MΩ trở lên (tham chiếu 500 V DC MEGA)	
Chịu được điện áp		1 phút ở 2000 V AC 50 / 60Hz	
Chống nhiễu		IEC61000-4-2 (phóng tĩnh điện), cấp III; IEC61000-4-4 (Nhóm xung thoáng qua nhanh điện), Loại III; IEC61000-4-5 (tăng vọt), cấp III	
Mức độ bảo vệ		IP65 (phần trước của sản phẩm)	
Môi trường xung quanh	Nhiệt độ	-10 ~ 55 °C; Lưu trữ -25 ~ 65 °C	
	Độ ẩm	35 ~ 85% RH; Giữ 35 ~ 85% RH	

2 Nhập thông số kỹ thuật

Đo tốc độ điều khiển	10 lần/giây trở lên
Lỗi cơ bản	±0,05% FS
Phạm vi hiển thị	-19999 ~ 45000, hiển thị khi quá tải
Tín hiệu đầu vào	Đo tỷ lệ, kết hợp với cảm biến biến dạng 4 dây, phù hợp với 0,8 ~ 3,0mV / V

3 Thông số kỹ thuật đầu ra

Đầu ra liên hệ	2 điểm, tải điện trở 250VAC / 3A
Nguồn cung cấp bên ngoài voltage	10V ± 2%, 30ppm, 150mA

▣ Phụ lục

蚌埠知重仪器销售有限公司BENGBUZZYQ